

Số: 80 /BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 24 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Thời tiết trong tuần: Có mây, ngày nắng, đêm có mưa rào vài nơi. Gió đông bắc cấp 2 - 3. Sáng sớm và đêm trời lạnh. Nhiệt độ thấp nhất từ 19°C - 22°C, nhiệt độ cao nhất từ 28°C - 31°C.

Dự báo tuần tới: Nhiệt độ trung bình từ: 24°C - 25°C. Giá trị tổng lượng mưa <10mm. Đêm 01 - 02/02 khả năng có mưa rào rải rác và có nơi có dông.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa Vụ Đông xuân 2022 - 2023

Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	107
Đẻ nhánh	558
Làm đòng	2.172
Trổ	1.171
Chín	125
Thu hoạch	
Tổng	4.133

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Đông xuân 2022-2023		4.581,5	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.699,8
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.217,4	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	345,8	3. Cây lương thực	Nhiều giai đoạn	381,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	275,5	Bắp	Sinh trưởng	314,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	201,5	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	158,1	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.232,1
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.535,5			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	27/01	28/01	29/01
1	Củ Chi	Thái Mỹ	38	27	24	28	31	25	21	26
		Trung Lập Thượng	60	68	76	68	84	60	52	60

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	CC, HM, BT
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	CC, HM
3	Bọ trĩ	3-5			1-5	HM, BT
4	Sâu phao	1-5			1-5	HM
5	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC, HM, BT
6	Chuột	3			Các giai đoạn	CC
7	Đạo ôn	3-10			1-3	CC, HM
8	Đóm vằn	3-5			1-3	CC

b) Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
17	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đóm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Trên lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.296,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (1.026,8 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: gây hại trên 83,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (37,9 ha).
- Bọ xít hôi: gây hại trên 58,2 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (21 ha).
- Ốc brou vàng: gây hại trên 879 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (714 ha).
- Chuột: gây hại trên 110 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (86 ha).
- Bệnh đạo ôn: gây hại trên 93,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (38 ha).
- Bệnh đốm vằn: gây hại trên 66 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (30 ha).

b) Trên cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 543,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (676,4 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 343,3 lượt ha chiếm 63,2% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: gây hại trên 100,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (140,6 ha).
- Sâu xanh: gây hại trên 51,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (64,2 ha).
- Bọ nhảy: gây hại trên 25,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (23,3 ha).
- Rầy xám: gây hại trên 24,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (55,5 ha).
- OBV: gây hại trên 208,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- Bệnh rỉ trắng: gây hại 33,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (51,0 ha).
- Bệnh thối nhũn: gây hại 11,2 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (10,7 ha).
- Bệnh đốm lá: gây hại 8,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (13,2 ha).

c) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Trên cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi 5 – trưởng thành, với mật số rầy thấp. Khuyến cáo thăm đồng vạch góc lúa quan sát kỹ. Khi thấy rầy tuổi 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép) có thể sử dụng một trong các thuốc BVTV chống lột xác nằm trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam để phun trừ giúp giảm nhanh mật số. Không phun phòng rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, đặc biệt là với các trà lúa <40 NSS để bảo vệ thiên địch trên đồng và tránh dịch bùng phát vào giai đoạn sau.

- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên trà lúa giai đoạn mạ - đầu đẻ nhánh.

- *Chuột*: Cần chú ý chuột hại trên các trà lúa đang ở giai đoạn đồng - trở chín.

- *Các loại bệnh hại*: Do điều kiện thời tiết duy trì kiểu se lạnh vào sáng sớm và đêm, ngày có nắng rải rác, phổ biến âm u, ẩm độ không khí cao, thuận lợi cho bệnh hại phát sinh, phát triển. Cần chú ý bệnh đạo ôn lá, đốm vằn trên lúa giai đoạn đẻ nhánh-trở. Ở những ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm nên chủ động phun ngừa để hạn chế bệnh phát triển, lây lan.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Trên cây rau

- *Rau ăn lá*: cần chú ý các loài sâu hại sẽ có xu hướng phát sinh phát triển mạnh như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, đốm lá, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Hoa lan*: bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, ốc sên.

- *Hoa mai*: sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Các loại cây trồng khác

- *Cây cao su*: Tăng cường công tác điều tra phát hiện bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su do nấm *Pestalotiopsis* sp. gây ra theo hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật tại Công văn số 2155/BVTV-TV ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tổ chức điều tra diễn biến bệnh rụng lá đốm tròn trên vườn cây cao su và đề xuất biện pháp phòng chống kịp thời.

- *Cây khoai mì*: Cần theo dõi bệnh khảm lá virus đối với diện tích xuống giống mới. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cò. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây ăn quả có múi*: Bệnh ghẻ sẹo, bệnh loét, bệnh Greening, bệnh vàng lá thối rã, bệnh thán thư, bệnh thối nâu quả, nhện, ngài đục quả, ruồi đục quả,... Đặc biệt trên những diện tích cây ăn quả có múi vào thời kỳ chín các đối tượng như bệnh vàng lá thối rã, bệnh thán thư, bệnh thối nâu, ngài đục quả, ruồi đục quả.

- *Cây dứa*: bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

- *Cây xoài*: sâu đục thân cành, bệnh thán thư.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông Xuân 2022 – 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCVN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực





Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA
(Kèm theo Báo cáo số: 80 /BC-CCTTBVT, ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục TTBVT)

1. Vụ Đông xuân 2022 - 2023

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	83,8			83,8	72,9	37,9		CC, HM, BT
2	Bọ xít hôi	58,2			58,2	37	21		CC, HM
3	Bọ trĩ	4,1			4,1	5,2	0,9		HM, BT
4	Sâu phao	1,8			1,8	43,9	99		HM
5	Đạo ôn	93,9			93,9	86,7	38		CC, HM, BT
6	Đốm vằn	66,0			66,0	64	30		CC
7	OBV	879,0			879,0	881	714		CC, HM
8	Chuồn	110,0			110,0	112	86		CC
	Tổng	1.296,8			1.296,8	1.302,7	1.026,8		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 70 /BC-CCTTBVT, ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục TTBVT)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)		Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		Kỳ trước	CKNT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nháy	25,6			25,6	25,4	23,3	16,0	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	51,7			51,7	52,4	64,2	34,9	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	15,8			15,8	14,5	15,7	10,9	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	11,4			11,4	13,4	10,6	7,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,7			1,7	1,7	1,6	1,7	BC
6	Sâu ăn tạp	100,4			100,4	102,6	140,6	60,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	12,8			12,8	12,8	21,0	6,8	CC, BC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	0,9	1,5	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	13,0			13,0	13,0	24,1	7,2	HM, BC, CC
10	Rầy xám	24,9			24,9	25,1	55,5	13,0	TĐ, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	1,2			1,2	1,1	1,5	1,2	BC
12	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	1,0		TĐ
13	Ruồi đục trái	9,4			9,4	9,4	7,5	7,4	BC, CC
14	OBV	208,5			208,5	208,5	218,6	136,7	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	0,60			0,60	0,60	0,5	0,5	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cái	11,2			11,2	12,1	10,7	6,7	HM, Q12, BC
17	Rỉ trắng/RM	33,3			33,3	35,4	51,0	21,9	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đom lá	8,2			8,2	7,5	13,2	5,0	BC, HM, Q12
19	Ph. vàng/dưa leo, khô qua	2,1			2,1	1,8	3,9	1,2	HM
20	Vàng lá	6,6			6,6	6,3	2,3	3,5	TĐ, HM
	Tổng	543,5			543,5	548,5	676,4	343,3	

CHI CỤC TRÔNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

